



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ **International Auditing and Financial Consulting Company Limited**

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: +84.4 222 12 891 | Fax: +84.4 222 12 892 | Email: ifc@ifcvietnam.com.vn | Website: www.ifcvietnam.com.vn



Thành viên hãh **AGN International** / Member Firm of **AGN International**

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY XÂY LẮP DẦU KHÍ NGHỆ AN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Hải Triều	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Bàng	Ủy viên
Ông Lê Phi Hùng	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 26/04/2012)
Ông Tô Văn Tám	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 26/04/2012)
Ông Đồng Xuân Bình	Ủy viên
Ông Phan Quốc Hùng	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 26/04/2012)
Bà Nguyễn Việt Nga	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 26/04/2012)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Bàng	Tổng Giám đốc
Ông Đồng Xuân Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Cường	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Ngọc Bàng
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 03 năm 2013



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 3162/2013/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được lập ngày 22 tháng 03 năm 2013 của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (gọi tắt là "Công ty") từ trang 5 đến trang 25 kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và của Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế phạm vi kiểm toán

Ngày 23 tháng 2 năm 2013, Ủy ban nhân dân Tỉnh Nghệ An tổ chức cuộc họp giữa Ủy ban nhân dân Tỉnh Nghệ An, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Tập đoàn dầu khí Việt Nam. Theo Thông báo số 73/TB-UBND ngày 28 tháng 2 năm 2013 kết luận về kết quả cuộc họp, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cam kết sẽ chỉ đạo Tổng công ty cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam (PVC) và Công ty Cổ phần đầu tư khu công nghiệp dầu khí - IDICO Long Sơn hoàn thành thủ tục nhận lại phần vốn của Tổng Công ty CP xây lắp dầu khí Nghệ An (PVNC) góp vốn tại Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An. Theo đó, Công ty thực hiện phân loại khoản đầu tư dài hạn tại Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An với số tiền là 202.784.937.195 là khoản đầu tư ngắn hạn và không thực hiện việc trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư này. Chúng tôi không thể đánh giá được xét đoán trên của Công ty liên quan đến việc trình bày khoản đầu tư. Đồng thời, chúng tôi không thể xác định được mức độ hợp lý về giá trị thị trường của các cổ phiếu Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An để xác định dự phòng giảm giá khoản đầu tư ngắn hạn. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về các khoản dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư ngắn hạn của Công ty và ảnh hưởng của chỉ tiêu này đến các khoản mục khác có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN (TIẾP THEO)

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề hạn chế phạm vi kiểm toán nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Khúc Đình Dũng

Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0748/KTV

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn

Tài chính Quốc tế (IFC)

Ngày 22 tháng 03 năm 2013

A blue ink signature of Nguyễn Nam Cường.

Nguyễn Nam Cường

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1950/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01 - DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		743.911.417.284	1.043.871.407.391
I. Tiền	110		7.457.458.242	8.211.517.849
1. Tiền	111	V.1	7.457.458.242	8.211.517.849
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	269.187.509.001	484.764.535.030
1. Đầu tư ngắn hạn	121		269.187.509.001	484.764.535.030
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		335.638.750.132	462.568.904.677
1. Phải thu của khách hàng	131		58.402.545.641	97.565.608.818
2. Trả trước cho người bán	132		48.850.815.768	84.821.907.603
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		10.761.891.497	23.412.076.757
4. Các khoản phải thu khác	135	V.3	217.787.758.858	256.769.311.499
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(164.261.632)	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	99.754.423.065	64.802.470.227
1. Hàng tồn kho	141		99.754.423.065	64.802.470.227
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		31.873.276.844	23.523.979.608
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		14.084.762.270	10.666.486.915
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.728.711.243	954.973.716
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		177.102.748	2.414.318.918
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		8.882.700.583	9.488.200.059
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		208.064.692.197	266.112.622.037
I. Tài sản cố định	220		68.552.067.640	68.983.265.477
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	66.277.864.783	67.057.010.421
- Nguyên giá	222		105.326.802.326	108.787.815.578
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(39.048.937.543)	(41.730.805.157)
2. Tài sản cố định vô hình	227		1.184.089.287	-
- Nguyên giá	228		1.504.715.020	111.668.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(320.625.733)	(111.668.800)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6	1.090.113.570	1.926.255.056
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		105.611.692.438	171.863.852.710
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.7	157.326.882.726	156.294.955.452
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	V.8	6.524.875.901	54.324.875.901
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(58.240.066.189)	(38.755.978.643)
III. Tài sản dài hạn khác	260		33.900.932.119	25.265.503.850
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		33.900.932.119	25.265.503.850
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		951.976.109.481	1.309.984.029.428

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01 - DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		819.059.464.217	1.051.442.470.825
I. Nợ ngắn hạn	310		742.265.776.548	1.019.599.948.841
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9	161.625.107.130	198.923.081.001
2. Phải trả cho người bán	312		168.331.072.886	380.917.608.034
3. Người mua trả tiền trước	313		182.686.524.084	207.744.104.050
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	10.021.972.653	4.312.630.106
5. Phải trả người lao động	315		7.767.492.999	5.030.382.776
6. Chi phí phải trả	316		6.487.925.826	8.384.118.265
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11	184.834.679.406	193.640.947.006
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		20.511.001.564	20.647.077.603
II. Nợ dài hạn	330		76.793.687.669	31.842.521.984
1. Phải trả dài hạn khác	333		16.155.567.932	23.414.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.12	14.988.351.942	28.210.584.939
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	656.519.899
4. Doanh thu ghi nhận trước	338	V.13	45.649.767.795	2.952.003.146
B. NGUỒN VỐN	400		132.916.645.264	258.541.558.603
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	132.916.645.264	258.541.558.603
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		218.460.000.000	218.460.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.000.000.000	5.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		380.952.382	380.952.382
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		23.453.682.587	30.453.682.587
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(114.377.989.705)	4.246.923.634
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		951.976.109.481	1.309.984.029.428



Nguyễn Ngọc Bằng
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng

Trần Thị Hồng Anh
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 02 - DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	212.758.620.161	552.239.356.178
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		74.216.884.031	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		138.541.736.130	552.239.356.178
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	183.681.886.858	516.645.347.849
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(45.140.150.728)	35.594.008.329
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	16.175.911.148	40.060.242.616
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	60.667.048.326	81.176.855.752
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		22.462.960.780	42.240.225.270
8. Chi phí bán hàng	24		40.814.537	4.560.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		19.500.088.579	25.015.548.147
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(109.172.191.022)	(30.542.712.954)
11. Thu nhập khác	31	VI.5	4.546.986.553	13.710.429.486
12. Chi phí khác	32		13.999.708.870	667.776.101
13. Lợi nhuận khác	40		(9.452.722.317)	13.042.653.385
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	45		(118.624.913.339)	(17.500.059.569)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(118.624.913.339)	(17.500.059.569)



Nguyễn Ngọc Bảng
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng

Trần Thị Hồng Anh
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 03 - DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(118.624.913.339)	(17.500.059.569)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	6.606.787.784	15.658.937.670
Các khoản dự phòng	03	19.648.349.178	38.755.978.643
Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư	05	25.408.210.269	(5.265.008.870)
Chi phí lãi vay	06	22.462.960.780	42.240.225.270
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(44.498.605.328)	73.890.073.144
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	330.591.986.310	(91.150.038.626)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(34.951.952.838)	(16.911.887.621)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(219.070.834.887)	17.893.008.039
Tăng chi phí trả trước	12	(12.053.703.624)	(18.753.758.933)
Tiền lãi vay đã trả	13	(21.250.879.781)	(28.207.380.191)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(11.534.766.992)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	(6.220.100.565)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.233.990.148)	(80.994.851.745)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm TSCĐ	21	-	(39.234.822.243)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(173.620.000.000)	(357.960.678.730)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	208.487.983.477	238.159.242.113
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(30.324.875.901)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	104.337.724
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	7.934.868.321
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	34.867.983.477	(181.321.928.716)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	123.460.000.000
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	99.711.289.492	628.881.549.687
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(134.099.342.428)	(641.541.354.171)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(12.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(34.388.052.936)	98.800.195.516
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(754.059.607)	(163.516.584.945)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	8.211.517.849	171.728.102.794
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	7.457.458.242	8.211.517.849



Nguyễn Ngọc Bằng
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng

Trần Thị Hồng Anh
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Quyết định số 284/QĐ-UB-ĐMDN ngày 19 tháng 01 năm 2005 của UBND tỉnh Nghệ An. Tiền thân của Công ty là Công ty Xây dựng số 1 Nghệ An thuộc Sở Xây dựng Nghệ An. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000523 ngày 12 tháng 3 năm 1997, đăng ký cổ phần hoá ngày 22 tháng 3 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 8 tháng 5 năm 2006 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Nghệ An cấp với tổng số vốn điều lệ của Công ty là 10.000.000.000 đồng, và đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư số 1 Nghệ An.

Ngày 4 tháng 5 năm 2007, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tiếp nhận Công ty là đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam theo Quyết định số 2397/QĐ-DKVN của Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Theo đó, Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư số 1 Nghệ An đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An. Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000523 ngày 12 tháng 3 năm 1997, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 20 tháng 10 năm 2008 với tổng số vốn điều lệ là 45.000.000.000 đồng.

Ngày 08 tháng 10 năm 2010, Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Tổng Công ty xây lắp dầu khí Nghệ An.

Theo nghị quyết số 41/NQ-PVNC ngày 29/4/2011 của Đại hội đồng cổ đông công ty cổ phần Tổng công ty xây lắp Dầu khí Nghệ An về việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ lên 600 tỷ. Trong năm 2011 công ty đã hoàn thành việc tăng vốn từ 100 tỷ lên 218,46 tỷ đồng. Trong đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn này Công ty cổ phần Tổng công ty xây lắp dầu khí Nghệ An đã phát hành cho cổ đông chiến lược là Tổng công ty cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam 5.000.000 cổ phiếu với giá chào bán 11.000 đồng/ cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam trong Công ty Cổ phần Tổng công ty xây lắp dầu khí Nghệ An là 22,89%.

Hoạt động chính của Công ty:

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi, điện năng (đường dây, trạm hạ thế dưới 110 KV), công trình nhà ở, công sở, thương mại, công trình cấp thoát nước;
- Sản xuất mua bán vật liệu xây dựng;
- Tư vấn theo dõi, giám sát thi công các công trình xây dựng;
- Mua bán các thiết bị ngành điện, nước, sơn các loại, xe máy, đồ gỗ dân dụng, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành, ăn uống;
- Cho thuê văn phòng làm việc;
- Đào tạo nghề ngắn hạn, dịch vụ công nghệ thông tin, dịch vụ cung ứng lao động cho các doanh nghiệp xuất khẩu lao động;
- Khai thác chế biến mua bán khoáng sản (đá, cát, sỏi, quặng các loại...);
- Kinh doanh phân bón nông nghiệp, các sản phẩm từ nông sản, dịch vụ cây giống;
- Kinh doanh các loại sản phẩm từ gỗ, khai thác và sơ chế gỗ, đồ mỹ nghệ;
- Đầu tư kinh doanh kho công nghiệp, khu đô thị, thủy điện dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy điện, điện năng, công trình hạ tầng kỹ thuật;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Hoạt động chính của Công ty (Tiếp theo)

- Trang trí nội thất, tư vấn thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh xăng dầu;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, tư vấn đấu thầu, tư vấn quản lý dự án.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Các ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng phải thu và dự phòng nợ khó đòi trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Trị giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Số năm khấu hao

Nhà cửa và vật kiến trúc	06 - 20
Máy móc và thiết bị	03 - 19
Phương tiện vận tải	05 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản	03 - 07

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm

Chi phí trả trước dài hạn còn bao gồm tiền thuê đất của Văn phòng Công ty và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê là 50 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng. (xem chi tiết dưới đây)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Hợp đồng xây dựng (Tiếp theo)

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	7.226.328.802	4.841.159.679
Tiền gửi ngân hàng	231.129.440	3.370.358.170
	7.457.458.242	8.211.517.849

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. Đầu tư ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Đầu tư tại Công ty CP Xi măng dầu khí Nghệ An (*)	202.784.937.195	202.784.937.195
Cho tổ chức và cá nhân vay (**)	66.402.571.806	281.979.597.835
	269.187.509.001	484.764.535.030

(*) Ngày 23 tháng 2 năm 2013, Ủy ban nhân dân Tỉnh Nghệ An tổ chức cuộc họp giữa Ủy ban nhân dân Tỉnh Nghệ An, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Tập đoàn dầu khí Việt Nam. Theo Thông báo số 73/TB-UBND ngày 28 tháng 2 năm 2013 kết luận về kết quả cuộc họp, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cam kết sẽ chỉ đạo Tổng công ty cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam (PVC) và Công ty Cổ phần đầu tư khu công nghiệp dầu khí - IDICO Long Sơn hoàn thành thủ tục nhận lại phần vốn của Công ty cổ phần Tổng Công ty xây lắp dầu khí Nghệ An (PVNC) góp vốn tại Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An. Theo đó, Công ty trình bày khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần xi măng dầu khí Nghệ An với số tiền là 202.784.937.195 (tương đương với 19.253.500 cổ phần) là khoản đầu tư ngắn hạn và không thực hiện việc trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư này do không có cơ sở để xác định giá trị thị trường tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

(*) Khoản tiền cho vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân với thời hạn dưới 12 tháng và lãi suất cho vay dựa trên lãi suất thị trường tại từng thời điểm cho vay. Trong năm, Công ty đã tiến hành thu các khoản cho vay và thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Do đó, số dư đầu tư ngắn hạn cuối kỳ đã giảm đáng kể so với số liệu đầu kỳ (giảm 76%)

3. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu về bán cổ phần và chuyển nhượng dự án	69.707.261.637	95.615.961.247
Khoản cho vay không tính lãi	102.006.042.936	107.359.887.592
Khác	46.074.454.285	53.793.462.660
Tổng cộng	217.787.758.858	256.769.311.499

4. Hàng tồn kho

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.941.412.636	2.112.918.213
Công cụ, dụng cụ	83.041.717	85.373.019
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	65.555.868.423	61.906.374.869
Thành phẩm	1.315.136.013	660.528.038
Hàng hóa	29.858.964.276	37.276.088
Tổng cộng	99.754.423.065	64.802.470.227
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	99.754.423.065	64.802.470.227

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại 01/01/2012	20.164.200.430	39.593.581.355	41.990.443.520	1.189.079.364	5.850.510.909	108.787.815.578
Mua trong năm	95.876.835	6.794.373.958	-	6.809.690.909	-	13.699.941.702
Thanh lý, nhượng bán	(292.867.065)	(7.570.682.121)	(7.201.408.824)	(2.095.996.944)	-	(17.160.954.954)
Tại 31/12/2012	19.967.210.200	38.817.273.192	34.789.034.696	5.902.773.329	5.850.510.909	105.326.802.326
KHẤU HAO						
Tại 01/01/2012	5.710.977.436	15.246.495.921	18.882.052.228	581.625.846	1.309.653.726	41.730.805.157
Khấu hao trong năm	904.231.242	2.577.986.074	2.289.103.104	356.782.374	269.728.057	6.397.830.851
Thanh lý, nhượng bán	(74.813.964)	(4.018.622.457)	(4.786.844.458)	(199.417.586)	-	(9.079.698.465)
Tại 31/12/2012	6.540.394.714	13.805.859.538	16.384.310.874	738.990.634	1.579.381.783	39.048.937.543
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2012	14.453.222.994	24.347.085.434	23.108.391.292	607.453.518	4.540.857.183	67.057.010.421
Tại 31/12/2012	13.426.815.486	25.011.413.654	18.404.723.822	5.163.782.695	4.271.129.126	66.277.864.783

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là: 10.159.166.603 đồng.
Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 1.717.023.703 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Dự án khu nhà ở liền kề và khách sạn thị trấn Quỳnh Hợp	1.015.007.615	1.015.007.615
Khác	75.105.955	911.247.441
	1.090.113.570	1.926.255.056

7. Đầu tư vào công ty con

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số cổ phần	VND	Số cổ phần	VND
Công ty CP Đầu tư và Du lịch Dầu khí Nghệ An	1.878.525	54.450.000.000	1.878.525	54.450.000.000
Công ty CP Đầu tư và Thương mại dầu khí Nghệ An	8.100.000	91.645.000.000	8.100.000	91.645.000.000
Công ty CP xây dựng Hạ tầng Dầu khí Nghệ An	1.019.995	10.199.955.452	1.019.995	10.199.955.452
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Hà Tĩnh	68.193	681.927.274	-	-
Công ty Cổ phần Dầu khí số 3	35.000	350.000.000	-	-
		157.326.882.726		156.294.955.452

	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết năm giữ (%)	Ngành nghề hoạt động
Công ty CP Đầu tư và Du lịch Dầu khí Nghệ An	99,00%	99,00%	Kinh doanh bất động sản, khách sạn, nhà hàng, mua bán bánh kẹo, thực phẩm.
Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An	54,67%	54,67%	Sản xuất kinh doanh VLXD, kinh doanh BĐS, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, đầu tư tài chính.
Công ty CP Xây dựng hạ tầng Dầu khí Nghệ An	51,00%	51,00%	Xây dựng công trình dân dụng đường sắt, đường bộ, công trình công nghiệp, thủy lợi, mua bán vật liệu xây dựng
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Hà Tĩnh	1,89%	51,00%	Xây dựng nhà, công trình giao thông thủy lợi, đầu tư khu đô thị, mua bán VLXD.
Công ty Cổ phần Dầu khí số 3	1,17%	51,00%	Xây dựng nhà, đầu tư khu đô thị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

8. Đầu tư vào công ty liên kết

	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty CP Đầu tư dầu khí V.I.P Việt Nam	26%	26%	-	46.800.000.000
Công ty cổ phần Đầu tư đô thị dầu khí Cửa Lò	1%	49%	1.274.875.901	1.274.875.901
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí số 1 Nghệ An	35%	35%	5.250.000.000	5.250.000.000
Công ty CP cơ khí đóng tàu Nghệ An	9%	35%	-	1.000.000.000
			6.524.875.901	54.324.875.901

9. Vay và nợ ngắn hạn

		31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - CN Nghệ An	(i)	73.725.345.504	91.290.080.364
Ngân hàng CP Đại Dương - CN Vinh	(ii)	12.256.080.989	14.299.650.000
Ngân hàng Công thương Bến Thủy		478.027.000	478.027.000
Tổng công ty CP Xây lắp Dầu Khí Việt Nam	(iii)	22.623.638.889	22.623.638.889
Ngân hàng ĐT & PT Việt Nam - CN Bắc Nghệ An	(iv)	9.266.784.613	9.266.784.613
Vay đối tượng khác	(v)	43.275.230.135	60.964.900.135
		161.625.107.130	198.923.081.001

- (i) Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Nghệ An theo Hợp đồng số 01/2012/HĐHMTD ngày 20 tháng 06 năm 2012 với hạn mức tín dụng là 95.000.000.000 đồng. Lãi suất vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Thời hạn theo từng khế ước vay thông thường từ 3 đến 9 tháng.
- (ii) Vay Ngân hàng CP Đại Dương - CN Vinh theo hợp đồng số 0001/2011/550/HĐ/ HMTD/OBJ ngày 19 tháng 05 năm 2011 với hạn mức 30.000.000.000 đồng. Lãi suất theo lãi suất ngân hàng tại thời điểm vay. Thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/1 lần. Khoản vay trên được đảm bảo bởi hình thức tín chấp.
- (iii) Vay Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam với hạn mức tín dụng là 22.623.638.889 đồng để trả tiền chuyển nhượng cổ phần, lãi suất khoản vay là 5,5%/năm. Khoản vay trên được đảm bảo bởi hình thức tín chấp.
- (iv) Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Bắc Nghệ An theo Hợp đồng số 01/2011/HĐTD/PVNC ngày 25 tháng 10 năm 2011 với hạn mức tín dụng là 10.000.000.000 đồng. Lãi suất vay là lãi ngân hàng tại thời điểm vay. Lãi suất được điều chỉnh theo lãi suất biến động của BIDV trong từng thời kỳ. Thời hạn theo từng khế ước vay thông thường từ 06 tháng đến 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ các tài sản hình thành từ vốn vay.
- (v) Các đối tượng khác là ngân hàng hoặc cá nhân do các xí nghiệp, đội thi công thuộc Công ty ký hợp đồng vay bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay dưới 1 năm, lãi suất thỏa thuận theo từng hợp đồng.

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế GTGT	7.949.017.289	4.263.203.812
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.634.501	-
Các loại thuế khác	2.071.320.863	49.426.294
	10.021.972.653	4.312.630.106

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

11. Phải trả dài hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	251.420.702	338.270.659
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	3.969.334.293	555.510.102
Phải trả về mua cổ phần	180.161.298.306	180.161.298.306
Công ty Cổ phần đầu tư khu công nghiệp dầu khí - IDICO Long Sơn	104.920.000.000	104.920.000.000
Tổng công ty CP Xây lắp Dầu Khí VN	75.241.298.306	75.241.298.306
Phải trả khác	452.626.105	13.479.648.700
Tổng cộng	184.834.679.406	193.640.947.006

12. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - CN Nghệ An (i)	9.956.758.600	18.294.991.600
Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Cửa Lò	-	3.334.000.000
TCT Tài chính Cổ phần dầu khí Việt Nam (ii)	3.183.260.000	3.903.260.000
Ngân hàng TMCP XNK - CN Vinh (iii)	1.050.000.000	1.300.000.000
Ngân hàng CP Đại Dương - CN Vinh (iv)	798.333.342	1.378.333.339
	14.988.351.942	28.210.584.939

- (i) Khoản vay Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nghệ An theo các Hợp đồng số 01/2010/HĐ, số 02/2010/HĐ, số 03/2010/HĐ, số 04/2010/HĐ, 06/2010/HĐ và 01/2009/HĐ để phục vụ cho dự án Đầu tư thiết bị thi công xây lắp của Công ty. Thời hạn vay dưới 5 năm, lãi suất vay là 12%/năm và thay đổi theo quy định của Ngân hàng. Thế chấp tài sản được hình thành từ vốn vay và vốn tự có đã đầu tư vào Dự án.
- (ii) Vay trung hạn Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa theo hợp đồng số 032/2009/HĐTD/PVFCTH ngày 12 tháng 08 năm 2009 để đầu tư máy móc thiết bị. Tổng số tiền vay không vượt quá 8.955.000.000 đồng. Thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất tính theo lãi suất do bên cho vay công bố tại thời điểm rút vốn.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Vinh với tổng số tiền là 2.100.000.000 đồng để mua 2 xe ô tô con. Thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất vay là 1,35%/tháng cố định trong thời gian 3 tháng kể từ ngày hợp đồng tín dụng có hiệu lực và thay đổi theo quy định của Ngân hàng. Tài sản thế chấp là phương tiện vận tải với tổng giá trị định giá là 3.069.700.000 đồng.
- (iv) Vay Ngân hàng CP Đại Dương - CN Vinh theo hợp đồng số 0073/2010/HĐTD02-OCEAN BANK07 với số tiền vay 1,6 tỷ đồng mua máy đào bánh xích phục vụ thi công các công trình của công ty; Thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 15%/năm, HĐ số 0200/2010/HĐTD02-OCEAN Bank 07 số tiền vay 540 triệu mua xe ô tô 7 chỗ hiệu TOYOTA FORTUNER; thời hạn vay 36 tháng; lãi suất 18%/năm; lãi suất điều chỉnh 3 tháng 1 lần.

13. Doanh thu chưa thực hiện

Đây là số tiền thu được từ việc nộp tiền của người mua chung cư theo tiến độ của dự án khu chung cư Trường Thi. Đến thời điểm kiểm toán, dự án chưa hoàn thành. Do đó, số tiền do người mua nộp nộp được theo dõi là khoản doanh thu chưa thực hiện tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

14. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại 01/01/2011	100.000.000.000	-	380.952.382	7.748.403.587	6.632.469.159	75.674.080.276	190.435.905.404
Tăng vốn	118.460.000.000	5.000.000.000	-	-	-	-	123.460.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	(17.500.059.569)	(17.500.059.569)
Phân phối các quỹ	-	-	-	22.705.279.000	15.136.853.000	(63.696.419.232)	(25.854.287.232)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
Chi quỹ dự phòng	-	-	-	-	(21.769.322.159)	21.769.322.159	-
Tại 01/01/2012	218.460.000.000	5.000.000.000	380.952.382	30.453.682.587	-	4.246.923.634	258.541.558.603
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	(118.624.913.339)	(118.624.913.339)
Chi quỹ dự phòng (*)	-	-	-	(7.000.000.000)	-	-	(7.000.000.000)
Tại 31/12/2012	218.460.000.000	5.000.000.000	380.952.382	23.453.682.587	-	(114.377.989.705)	132.916.645.264

(*): Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 số 35/NQ-PVNC ngày 26 tháng 04 năm 2012, Công ty dùng Quỹ đầu tư phát triển để bù đắp cổ tức đã tạm ứng trong năm 2011 do kết quả kinh doanh năm 2011 của Công ty bị lỗ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

15. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận hoạt động là bộ phận hoạt động xây dựng, bộ phận kinh doanh bất động sản, bộ phận kinh doanh vật liệu xây dựng và bộ phận cung cấp dịch vụ. Tuy nhiên, doanh thu của các bộ phận trừ bộ phận kinh doanh chính là xây dựng chiếm tỷ lệ dưới 10% so với tổng doanh thu của cả Công ty (chi tiết trong thuyết minh số VI.1 và VI.2). Do đó, Công ty không thực hiện lập báo cáo bộ phận cho các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 10 tòa nhà dầu khí Nghệ An, số 7 đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Công ty có một chi nhánh tại tỉnh Hà Tĩnh tuy nhiên doanh thu của chi nhánh này quá nhỏ chỉ chiếm 0,54% so với tổng doanh thu. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	212.758.620.161	552.239.356.178
Trong đó		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	193.663.905.262	366.744.535.836
Doanh thu bán vật liệu xây dựng	458.104.973	94.254.499.921
Doanh thu bất động sản	15.636.558.029	90.296.869.815
Doanh thu dịch vụ	3.000.051.897	943.450.606
Các khoản giảm trừ doanh thu	74.216.884.031	-
Trong đó		
- Giảm giá hàng bán (*)	74.216.884.031	-
	138.541.736.130	552.239.356.178

(*): Công ty chấp nhận giảm giá giá trị quyết toán của 29 hạng mục của Dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai do Công ty thi công, theo biên bản làm việc giữa Công ty và Công ty Cổ phần đầu tư dầu khí VIP Việt Nam (chủ đầu tư Khu Công nghiệp Hoàng Mai) ngày 25 tháng 12 năm 2012.

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng	171.159.306.484	345.253.771.152
Giá vốn bán vật liệu xây dựng	337.942.543	89.452.589.194
Giá vốn kinh doanh bất động sản	12.184.637.831	81.938.987.503
	183.681.886.858	516.645.347.849

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.178.661.148	39.954.842.616
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.997.250.000	105.400.000
	16.175.911.148	40.060.242.616

4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	22.462.960.780	42.240.225.270
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	18.720.000.000	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	19.484.087.546	38.755.978.643
Chi phí tài chính khác	-	180.651.839
	60.667.048.326	81.176.855.752

5. Thu nhập khác

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chênh lệch đánh giá lại Tài sản góp vốn vào đơn vị khác và chuyển nhượng	3.247.373.326	5.421.919.863
Khác	1.299.613.227	8.288.509.623
	4.546.986.553	13.710.429.486

6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu vật liệu	58.332.701.761	135.385.523.522
Chi phí nhân công	10.657.270.956	29.806.557.138
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.606.787.784	15.680.918.895
Chi phí dịch vụ mua ngoài	122.108.772.517	338.963.242.488
Chi phí khác	1.289.626.895	8.699.494.456
	198.995.159.913	528.535.736.499

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

- Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn và các khoản phải thu ngắn hạn khác.

- Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm: các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay. Mục đích của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu" tương ứng.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ tại ngày	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	7.457.458.242	8.211.517.849
Phải thu khách hàng và phải thu khác	286.787.934.364	377.746.997.074
Đầu tư ngắn hạn	269.187.509.001	484.764.535.030
Cộng	563.432.901.607	870.723.049.953
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	176.613.459.072	227.133.665.940
Phải trả người bán và phải trả khác	369.321.320.224	574.581.969.040
Chi phí phải trả	6.487.925.826	8.384.118.265
Cộng	552.422.705.122	810.099.753.245

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình (bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối).

Phải thu của khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và có nhân viên kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại nhiều ngân hàng. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31/12/2012			
Các khoản vay và nợ	161.625.107.130	14.988.351.942	176.613.459.072
Phải trả người bán và phải trả khác	353.165.752.292	16.155.567.932	369.321.320.224
Chi phí phải trả	6.487.925.826	-	-
Tại ngày 01/01/2012			
Các khoản vay và nợ	198.923.081.001	28.210.584.939	227.133.665.940
Phải trả người bán và phải trả khác	574.558.555.040	23.414.000	574.581.969.040
Chi phí phải trả	8.384.118.265	-	-

2. Thông tin về các bên liên quan

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu		
Công ty CP Đầu tư và Du lịch Dầu khí Nghệ An	-	3.725.356.105
Công ty CP đầu tư và Thương mại dầu khí Nghệ An	24.287.562.033	91.932.413.259
Công ty CP Xi măng dầu khí Nghệ An	63.140.705.032	63.001.099.881
Công ty CPXD Hạ tầng Dầu khí Nghệ an	-	67.147.686.337
Công ty CPXD Dầu khí số 3	-	7.179.376.634
Công ty CP XLĐK Hà Tĩnh	-	4.200.000.000
	87.428.267.065	237.185.932.216
Mua hàng		
Công ty CP đầu tư và Thương mại dầu khí Nghệ An	-	47.437.883.207
Công ty CP Xi măng dầu khí Nghệ An	1.484.190.063	155.166.271.170
Công ty XPXL DK Hà Tĩnh	5.469.433.979	-
Công ty CPXD Dầu khí số 3	519.094.566	-
Công ty cổ phần XD hạ tầng dầu khí Nghệ An	21.622.075.971	23.893.167.472
	29.094.794.579	226.497.321.849

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Các khoản phải thu		
CTY CP XLDK Hà Tĩnh	4.570.340.651	7.498.729.000
CTY TNHH 1 thành viên VLXD Dầu khí Nghệ An	45.929.802.846	17.057.403.107
Công ty cổ phần xây dựng dầu khí số 3 Nghệ An	798.218.990	7.465.438.784
Công ty CP Đầu tư và Du lịch Dầu khí Nghệ An	3.121.413.067	635.986.734
Công ty CP đầu tư và Thương mại dầu khí Nghệ An	15.094.270.539	62.810.956.745
Công ty CP Xi măng dầu khí Nghệ An	1.484.100.063	641.239.661
CTY CPXD Hạ tầng Dầu khí Nghệ An	31.007.896.780	11.250.133.561
Các khoản phải trả		
CTY TNHH 1 thành viên VLXD Dầu khí Nghệ An	5.988.130.055	9.242.774.350
Công ty cổ phần xây dựng dầu khí số 3 Nghệ An	3.086.237.009	1.134.759.600
Công ty CP đầu tư và Thương mại dầu khí Nghệ An	1.721.358.383	22.024.972.647
Công ty CP Xi măng dầu khí Nghệ An	43.734.859.359	62.204.242.747
CTY CPXD Hạ tầng Dầu khí Nghệ An	16.695.309.351	569.510.002
CTY CP XLDK Hà Tĩnh	1.623.801.111	-

3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này:

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 (trước phân loại)	31/12/2011 (sau phân loại)
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121		281.979.597.835	484.764.535.030
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.7	359.079.892.647	156.294.955.452
I. Nợ ngắn hạn	310			
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11	13.479.648.700	193.640.947.006
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả dài hạn khác	333		180.184.712.306	23.414.000



Nguyễn Ngọc Băng

Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Văn Phúc

Kế toán trưởng

Trần Thị Hồng Anh

Người lập



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited



Chi nhánh tại Hải Phòng:

Số 4 Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ,
Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng.
Tel: 031.3 797 268 | Fax: 031.3 797 269
Email: ifchaiphong@ifcvietnam.com.vn

Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh:

Lầu 5, tòa nhà Hải Âu TIC, 39B Trường Sơn,
Phường 4, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh.
Tel: 08.3 547 2323 | Fax: 08.3 547 2579
Email: ifchcm@ifcvietnam.com.vn

Văn phòng đại diện tại Hải Dương:

Số 95 Đỗ Ngọc Du, Phường Thanh Bình,
TP Hải Dương, Tỉnh Hải Dương.
Tel: 0320.3 897 031 | Fax: 0320.3 897 035
Email: ifchaiduong@ifcvietnam.com.vn

Branch in Hai Phong City:

No 4. Nguyen Trai street, May To ward,
Ngo Quyen district, Hai Phong City
Tel: (84) 31.3 797 268 | Fax: (84) 31. 3 797 269
Email: ifchaiphong@ifcvietnam.com.vn

Branch in Ho Chi Minh City:

5th Floor, Hai Au TIC Building, 39B Truong Son,
4 ward, Tan Binh district, Ho Chi Minh City.
Tel: (84) 8 3 547 2323 | Fax: (84) 8 3547 2579
Email: ifchcm@ifcvietnam.com.vn

Representative office in Hai Duong:

No 95. Do Ngoc Du street, Thanh Binh ward,
Hai Duong city, Hai Duong province.
Tel: (84) 320 3 897 031 | Fax: (84) 320 3 897 035
Email: ifchaiduong@ifcvietnam.com.vn